

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
			<b>3,0</b>
<b>ĐỌC HIỂU</b>	1	Ngôi kể: Ngôi thứ nhất. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời không đúng ngôi kể: Không cho điểm	0,75
	2	Theo đoạn trích, một củ thủy tiên quán quân phải là toàn bích mới được: lá như kiếm, ôm lấy củ, mà lại không được chạm; rễ không những phải trắng bong mà lại cốt dài; cái bẹ trông phải muôn muốt và xếp lên nhau cách nào cho trang nhã, đừng rối mắt. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 1 ý : 0,25 điểm	0,75
	3	Câu nói “Chết! Gọt đi thì sao được! Một củ thủy tiên đẹp có cần gì nhiều giò đâu? Sáu giò với bảy giò, thường là không có lực; cứ cần năm giò trở lại thôi, miễn là giò nào cũng không trên và có hoa hàm tiếu vào đúng giờ chấm thi.” của “ thầy tôi” đã thể hiện ông là người: + Có sự am hiểu sâu sắc về thú chơi hoa thủy tiên. + Có niềm say mê với một thú chơi tao nhã, thanh cao. + Có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế. + Biết thưởng lãm và trân quý cái đẹp. - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được 3 ý: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 2 ý : 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 1 ý : 0,25 điểm	1,0
	4	- Thí sinh tự do rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân, thông điệp phải tích cực và liên quan đến nội dung đoạn trích. - Lí giải hợp lí <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh chọn đúng, lí giải thuyết phục: 0,5 điểm - Học sinh chỉ có thông điệp đúng, không lí giải hoặc lí giải không thuyết phục và ngược lại: 0,25 điểm	0,5
<b>PHẦN LÀM VĂN</b>	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về vai trò của văn hóa truyền thống đối với cuộc sống con người.	<b>2,0</b>
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 150 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, tổng - phân - hợp, song hành hoặc móc xích: 0,25 điểm	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận về một vấn đề xã hội: Vai trò của văn hóa truyền thống đối với cuộc sống con người.	0,25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ được <b>vai trò của văn hóa truyền thống đối với cuộc sống con người</b> . Có thể triển khai theo hướng sau: <b>* Giải thích:</b> – Văn hóa truyền thống là tất cả những yếu tố vật chất tinh thần đặc trưng cho một cộng đồng xã hội, được hình thành, vun đắp, gìn giữ và lưu truyền đến ngày nay. => Khẳng định văn hóa truyền thống có vai trò lớn lao đối với cuộc sống con người.	1,0

	<p><b>* Bàn luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>_ Vai trò của văn hóa truyền thống đối với cuộc sống con người:</li> <li>+ Văn hóa truyền thống là cốt lõi để xây dựng và củng cố nhận thức về danh tính quốc gia.</li> <li>+ Giúp con người hiểu, trân trọng và tự hào về nguồn cội, về quê hương, đất nước mình.</li> <li>+ Làm cho tâm hồn mỗi người sẽ trở nên phong phú, giàu có về tri thức, vốn sống.</li> <li>+ Là nền tảng để tạo dựng lối sống, hình thành nhân cách và đạo đức chuẩn mực.</li> <li>+ Là gốc rễ để hội nhập mà không đánh mất bản sắc riêng.</li> <li>+ Là cơ sở để xây dựng một xã hội văn minh và phát triển.</li> <li>+ Là tiền đề tạo nên sự gắn kết trong cộng đồng...</li> <li>- Phê phán những người chưa nhận thức được vai trò của văn hóa truyền thống, quay lưng với văn hóa truyền thống, đánh mất nguồn cội...</li> </ul> <p><b>- Bài học nhận thức và hành động:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cần nhận thức được vai trò của văn hóa truyền thống từ đó có ý thức kế thừa, giữ gìn... để những giá trị đó không bị mai một đi theo thời gian.</li> <li>+ Cần học hỏi để có tri thức về văn hóa truyền thống, từ đó phát huy được vai trò của tri thức đó trong đời sống cộng đồng.</li> <li>+ Liên hệ bản thân: Trong bối cảnh nhiều thách thức đối với việc giữ gìn văn hóa truyền thống như hiện nay, bản thân mình phải sáng tạo trong cách giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống, biết đấu tranh với những hành vi sai trái, xuyên tạc, biến tướng... văn hóa truyền thống ...</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập luận chặt chẽ thuyết phục: lí lẽ sắc bén; dẫn chứng tiêu biểu phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng: 1,0 điểm</li> <li>- Lập luận có phần còn chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ sắc bén có dẫn chứng tiêu biểu (0,75 điểm)</li> <li>- Lập luận, lí lẽ chưa thật chặt chẽ, sắc bén, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm)</li> <li>- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không sắc bén, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm)</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b> Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
2	<p>Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Mị trong đoạn trích sau: “... Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. ... Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi. ...”</p> <p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p> <p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Cảm nhận nhân vật Mị trong đoạn trích: “... Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. ... Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi. ...”</p> <p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; bảo đảm các yêu cầu sau:</p>	5,0

	<p><i>*Giới thiệu khái quát về tác giả Tô Hoài, truyện ngắn Vợ chồng A Phủ, đoạn trích và vấn đề nghị luận.</i></p>	0,5
	<p><i>* Giới thiệu nhân vật: Mị vốn là một cô gái xinh đẹp, có tài năng, có phẩm chất đáng quý, xứng đáng được sống hạnh phúc. Nhưng vì món nợ truyền kiếp của cha mẹ, Mị bị đẩy vào thân phận làm dâu gạt nợ nhà thống lí – bị đày đọa cả thể chất và tinh thần.</i></p> <p><i>- Lđ1: Kiếp sống nô lệ bị đày đọa, bị hắt hủi, bóc lột đã biến Mị trở thành một cỗ máy lao động, tê liệt về ý thức, mất đi ý thức phản kháng.</i></p> <p><i>+ Những từ ngữ chỉ thời gian, gắn với các mốc thời gian kết hợp cùng phép lặp, cách ngắt vế câu, ...: “mấy năm qua, mấy năm sau”, “mỗi năm mỗi mùa, mỗi tháng” ...vừa là vòng tuần hoàn của thời gian nối tiếp vừa khắc sâu vòng luẩn quẩn của cuộc đời bị kịch, những khổ đau không dứt trở thành nỗi ám ảnh đau xót.</i></p> <p><i>+ Dáng vẻ bên ngoài: “cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa” – chi tiết lặp lại cho thấy đây là trạng thái thường trực của của con người sống trong tù cực, trở nên tê liệt về ý thức.</i></p> <p><i>+ Hành động của nhân vật: “...lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt: ... để tước thành sợi”...-&gt; biến thành cỗ máy lao động.</i></p> <p><i>+ Suy nghĩ nhẩn nhục, cam chịu “Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa” vì “ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi”- hình ảnh “con trâu con ngựa” xuất hiện nhiều lần trong tâm tưởng của Mị-&gt; tố cáo mạnh mẽ tội ác của bọn thực dân, chúa đất phong kiến miền núi đã hủy diệt sức sống con người...</i></p> <p><i>+ Chi tiết đặc sắc: “Con ngựa, con trâu làm còn có lúc... vùi vào việc làm cả đêm cả ngày”. Cách so sánh đòn bẩy đó đã phơi bày cái nghịch lí: Vị thế là con dâu nhưng thân thể thì lại là người ở trừ nợ .</i></p> <p><i>- Lđ 2: Mị làm lũi, cô độc, chết mòn với cuộc sống bị cầm tù cả về thể xác và tinh thần trong thân phận là con dâu trừ nợ của nhà thống lí:</i></p> <p><i>+ “Mỗi ngày Mị càng không nói, lủi lủi như con rùa nuôi trong xó cửa”.- Miêu tả theo lối so sánh tương đồng - Mị câm lặng như một cái bóng, cuộc sống ở nhà thống lí là cuộc sống bị đè nén, áp bức, tối tăm quanh quẩn không lối thoát.</i></p> <p><i>+ “ Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay...đến bao giờ chết thì thôi”...Không gian sống của Mị là một hình ảnh ẩn dụ đặc sắc gợi sự ngột ngạt, bức bối của một nhà ngục, nhà ngục ấy đã chôn vùi hết cả những nhận thức bình thường nhất của con người: ý niệm về thời gian, cảm giác về cuộc sống..., khiến Mị sống nhẩn nhục, đau khổ, tê liệt về tinh thần, buông xuôi theo số phận. Nhà ngục ấy không chỉ giam hãm thân thể Mị mà còn cách ly tâm hồn Mị với cuộc đời, chôn vùi tuổi xuân và sức sống của Mị, “Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi”.</i></p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,50 điểm</i></li> <li>- <i>Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm</i></li> <li>- <i>Phân tích chung chung, chưa rõ mạch cảm xúc: 0,75 điểm - 1,25 điểm</i></li> <li>- <i>Phân tích chung chung chưa có mạch cảm xúc, diễn xuôi đoạn văn: 0.25 điểm - 0,5 điểm</i></li> </ul>	2,5
	<p><i>* Đánh giá:</i></p> <p><i>a. Nội dung:</i></p> <p><i>- Miêu tả cuộc sống làm dâu gạt nợ của Mị ở nhà thống lí, nhà văn không chỉ tố cáo, lên án mà còn thể hiện cái nhìn khám phá một mảng hiện thực mới: cuộc sống, số phận đau khổ của người lao động miền núi - những con người bị cưỡng quyền, thần quyền, cái nghèo, những áp chế về tinh thần đẩy vào tình trạng sống cơ cực, đau khổ, cam chịu, ....</i></p> <p><i>- Bênh vực quyền làm người, đồng cảm sâu sắc với số phận những con người nghèo dưới ách thống trị của bọn thực dân phong kiến miền núi trước cách mạng.</i></p>	0,5

	<p>b. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghệ thuật trần thuật linh hoạt, lối kể chậm thắm thía.</li> <li>- Sử dụng kết hợp nhiều thủ pháp nghệ thuật: lối so sánh tương đồng, so sánh đòn bẩy, hình ảnh ẩn dụ, liệt kê,...</li> <li>- Khẳng định tài năng của Tô Hoài trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, nghệ thuật xây dựng nhân vật.</li> <li>- Văn xuôi Tô Hoài mang giọng điệu trữ tình, lời cuốn bằng sự từng trải và tinh tế.</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trình bày được 2 ý :0,5 điểm</li> <li>- Học sinh trình bày được 1 ý :0,25 điểm</li> </ul>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả hoặc ngữ pháp</li> </ul>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ...</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b> Học sinh viết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá, biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của văn Nguyễn Tuân, biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống, văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên :0,5 điểm</li> <li>- Đáp ứng được 1 yêu cầu :0,25 điểm</li> </ul>	0,5
<b>TỔNG ĐIỂM</b>		<b>10</b>